

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ
tại Trung tâm Y tế huyện Thường Xuân năm 2023 -2024**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược; Nghị định số
155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy
định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước
của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng
Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng
Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết cung cấp, đăng tải thông tin về
đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì
hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc vũ trang nhân dân,
đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức
chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;
Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của
Thông tư số 58/2016/TT-BTC;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế: số 15/2019/TT-BYT ngày
11/7/2019 về đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; số 15/2020/TT-BYT
ngày 10/8/2020 về ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu
thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá; số*

15/2021/TT-BYT ngày 24/9/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Thường Xuân tại Tờ trình số 282/TTr-TTYT ngày 17/11/2023; đề nghị của Sở Y tế tại Báo cáo số 5835/BC-SYT ngày 12 tháng 12 năm 2023 về thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế huyện Thường Xuân năm 2023 - 2024 và kèm theo các hồ sơ liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế huyện Thường Xuân năm 2023 - 2024, gồm những nội dung sau:

1. Tên gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế huyện Thường Xuân năm 2023 - 2024.
2. Giá gói thầu: 2.348.858.730 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi đồng*). Theo từng phần, chi tiết tại phụ lục kèm theo.
3. Nguồn vốn: Từ nguồn thu dịch vụ của Trung tâm Y tế huyện Thường Xuân.
4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ.
6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2023.
7. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
8. Thời gian thực hiện hợp đồng: Không quá 12 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Trung tâm Y tế huyện Thường Xuân chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác đối với danh mục, dự toán, kết quả thẩm định và trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu nêu trên theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Y tế; Giám

đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX_{NVH}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục
DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế, đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	4	Globulin kháng độc tố uốn ván	1500 IU/1ml	Thuốc tiêm/Tiêm	Ống	250	25.263	6.315.750
2	4	Vi rút Rota sống, giảm độc lực, typ G1P8	≥ 2 triệu PFU/2ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống, uống	Lọ	170	339.780	57.762.600
3	5	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg	20mcg/1ml	Thuốc tiêm/Tiêm	Lọ	90	66.780	6.010.200
4	5	Kháng nguyên tinh chế từ vi rút dại chủng L.Pasteur 2061/VERO	≥ 2,5 IU/0,5ml	Thuốc tiêm đông khô/Tiêm	Lọ	1.700	164.800	280.160.000
5	1	Chủng Rotavirus ở người sống giảm độc lực	≥10 ^{6.0} CCID ₅₀ /1,5ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống, uống	Ống/ tuýp	90	700.719	63.064.710
6	1	Biến độc tố bạch hầu; Biến độc tố uốn ván; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà (PT) và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) và Pertactin (PRN); Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B (HBV); Vi rút bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney); Vi rút bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1); Vi rút bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett); Polysaccharide của phế cầu khuẩn týp B cộng hợp với giải độc tố uốn ván	≥ 30 IU; ≥ 40 IU; 25 mcg; 25 mcg; 8 mcg; 10mcg; 40 DU; 8 DU; 32 DU; 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván	Thuốc tiêm/Tiêm	Lọ	1.100	864.000	950.400.000
7	1	Vi rút sởi; Vi rút quai bị; Vi rút rubella	≥1000 CCID ₅₀ ; ≥12500 CCID ₅₀ ; ≥1000 CCID ₅₀	Thuốc tiêm đông khô/Tiêm	Lọ	250	164.620	41.155.000
8	1	Polysaccharide của các týp huyết thanh 1 ^{1,2} , 5 ^{1,2} , 6B ^{1,2} , 7F ^{1,2} , 9V ^{1,2} , 14 ^{1,2} , 23F ^{1,2} và của các týp huyết thanh 4 ^{1,2} , 18C ^{1,3} , 19F ^{1,4}	1mcg 3mcg	Thuốc tiêm/Tiêm	Lọ	500	829.900	414.950.000

STT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế, đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
9	1	Vắc xin tái tổ hợp phòng vi rút HPV ở người typ 6,11,16,18.	Mỗi 0,5ml chứa Protein L1 HPV 6; 40 mcg protein L1 HPV 11, 40 mcg protein L1 HPV 16, 20 mcg protein L1 HPV 18	Thuốc tiêm/Tiêm	Lọ	100	1.509.600	150.960.000
10	5	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C	50mcg/0,5ml	Thuốc tiêm/Tiêm	Lọ	380	151.704	57.647.520
11	2	Vi rút thủy đậu sống giảm độc lực	≥ 1.400 PFU	Thuốc tiêm đông khô/Tiêm	Lọ	230	552.000	126.960.000
12	2	Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm A H1N1; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm A H3N2; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm B; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm B	15mcg; 15mcg; 15mcg; 15mcg/0,5ml	Thuốc tiêm đông sẵn trong dụng cụ tiêm/Tiêm	Bơm tiêm	350	239.925	83.973.750
13	4	Vắc xin phòng viêm não Nhật Bản	1 ml	Thuốc tiêm/Tiêm	Lọ	280	49.815	13.948.200
14	1	A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09 - like strain (A/Brisbane/02/2018, IVR - 190; A/South Australia/34/2019 (H3N2) - like strain (A/South Australia/34/2019, IVR -197); B/Washington/02/2019 - like strain (B/Washington/02/2019, wild type); B/Phuket/3073/2013 - like strain (B/Yamagata/16/88 lineage) (B/Phuket/3073/2013, wild Type)	15mcg;15mcg;15mcg ;15mcg/0.5ml	Thuốc tiêm đông sẵn trong dụng cụ tiêm/Tiêm	Lọ	380	251.450	95.551.000
		Tổng 14 mặt hàng (14 phần)	Tổng giá trị: 2.348.858.730 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi đồng)./.					